Họ tên	Bộ phận	1	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15	19	20	21	22	25	26	27	28	29	Tổng
KHA THỊ HẢI	DƯỢC	8.28	8.33	8.12		7.93	8.25	8.2	7.38	8.02	7.78	3.67	2.42	7.95	8.43	5.3	5.65	8.42				**16**
KHOA DƯỢC Count	1																					
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	9.48	5.7	8.32	4.48			8.77		8.43	8.8	5.93	5.43	8.68	5.15	3.45		8.55	8.83			**14**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	3.07	8.67			8.33	7.88		8.38	8.25	5.4		4.8				8.35				2.58	**10**
KHA VĂN HÀ	TCHC		8.85						5.18	8.4					4.25		8.67				4.42	**6**
VI VĂN THÌN	TCHC	8.48	3.17		4.98	8.37	8.67	8.5	7.65	4.28	3.78	3.73	3.27		5.45	5.6	8.12	3.88		2.78	8.53	**17**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	7.93		8.12	3.63			8	7.68	7.77		2.58	0.83	1.52	2.53	7.32	8.13	7.83	3.45	7.77	5.15	**17**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC		8.57	8.43	8.28	2.32			8.55	8.5	8.47	3.85	4.55	8.28	2.67		5.53	8.43	8.33	8.73	5.52	**16**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	8.78	8.57	8.22	5.15	8.32		8.57		8.82			5.53	8.43		5.4		5.43	8.23	8.5	6.07	**14**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH (	7																					
HÀ NGỌC ANH	KSBT				8.57	3.8	7.82	3.98	8.45													**5**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT		8.88		9.13	5.67	3.43	8.82	8.53	8.68	1.85	4.87	3.22		8.7	4.62	5.53		5.57		9	**15**
CỤT VĂN PHON	KSBT		8.28	8.02	8.28	8.38	8.6	8.12	5.37	8.63	5.27	3.85	4.58	8.55		7.85	8.3		8.07	5.6	7.47	**17**
VI VĂN KHOA	KSBT	8.18	8.33	8.4	8.32	8.18	8.3	8.25	8.35	8.23	8.13	4.03	4.65	8.22	7.53	7.97	8.48	8.25	8.23	8.5	8.55	**20**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT	8.4	8.58	8.93	8.15	8.35	8	8.22	8.12	8.32	8.22	3.82	4.25	8.23	8.32	5.5	8.38	8.28	8.32	8.38	8.37	**20**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.43	8.9	8.05	8.28			8.07		8.07	8.07	4.25	4.33	2.7	8.63	8.02	5.2	4.53				**14**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT			5.37	8.7	8.68	8.32	8.75	8.6	8.48	9.05	4.6		3	8.28	8.93	2.35	5.17	5.53			**16**
KHOA KSBT- HIV/AIDS (	7																					
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP		9.03	8.88				8.77	8.52	8.37	8.42	3.92	1.72	2.8	8.52	3.9	8.85	8.93	8.9	8.42	8.73	**16**
VI THỊ NGÂN	ATTP		8.17	8.2	8.35	3.7	8.57	8.38	8.33	8.33	3.77	3.77			8.57	7.3	8.37	8.48	7.62		8.3	**16**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	8.47	9.05	8.68	8.4	8.33	7.88	5.97		8.45	8.17	5.28	5	8.3	8.73		8.82	4.48		5.55	9.32	**17**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP	8.87	5.42	4.88					8.77	8.87	8.82	3.9										**7**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	8.37	8.08	8.13	8.17	7.78		8.47	8.32	7.93	3.93	3.8	4.03	8.1	3.92	7.8	8.2	7.83	5.4	8.53	7.97	**19**
VI THỊ MY LA	ATTP	8.48	8.5	8.2				8.28	8.42	8.32							5.62	8.32	8.28	8.3	8.53	**11**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP		8.6	8.35	8.47			8.9	8.13	8.5	3.02	3.85	4.4	8.35	8.18			8.4	8.2	8.38	8.48	**15**
KHOA ATTP - YTCC&DD (	7																					

MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	8.63	6.83	8.62	8.75	8.2	8.35	8.65	8.43	8.47	8.15	4.03	4.08	8.87	8.48	5.22		8.32	8.68	8.83	5.42	**19**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	9.02	8.75	8.15	8.62	4.28		8.63		8.45	9.03	3.72	4.38	8.82	8.08	8.97		8.48	8.3	8.32	8.42	**17**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.63	8.73	8.32	8.33	8.38	8.43	8.62	3.05	8.62	8.35	4.7	4.42	8.33	8.12	5.42		8.5	8.33	8.55	8.62	**19**
LA THỊ OANH	DÂN SỐ	8.55	8.58	8.43	8.32	8.23	8.4	8.73	8.45	8.3	8.48	3.82	4.25	8.08	8.27	9.03		8.85	8.3	8.97	8.65	**19**
PHÒNG DÂN SỐ Count	4																					